

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1212* /BTP-TGPL

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2016

V/v góp ý dự thảo Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC

Kính gửi: *HĐPHLV về TGPL tỉnh Thừa Thiên - Huế*

Thực hiện các Kế hoạch triển khai thi hành Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Luật tố tụng hành chính 2015 và Luật thi hành tạm giữ, tạm giam 2015 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch hoạt động liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng năm 2016 của Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở Trung ương (Quyết định số 463/QĐ-HĐPH ngày 22/03/2016), Bộ Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 04/7/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng (sau đây viết tắt là dự thảo Thông tư), dự kiến ban hành trong tháng 5/2016.

Để việc xây dựng Thông tư bảo đảm chất lượng, tiến độ, Bộ Tư pháp trân trọng đề nghị Quý Cơ quan tham gia ý kiến đối với dự thảo Thông tư và Tờ trình (gửi kèm theo Công văn này).

Văn bản góp ý đề nghị gửi về Bộ Tư pháp (Cục Trợ giúp pháp lý) trước ngày *29/4/2016*. (file điện tử gửi theo địa chỉ: phant(@)moj.gov.vn). Trong trường hợp cần trao đổi chi tiết, đề nghị liên hệ đồng chí Nguyễn Thị Pha, chuyên viên Cục Trợ giúp pháp lý, số điện thoại 0462.739.638, di động 0949.556.006.

Trân trọng cảm ơn sự quan tâm phối hợp của Quý Cơ quan. *Am*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Khánh Ngọc (để biết);
- Lưu: VT, Cục TGPL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phan Chí Hiếu

Số: /TTr-CTGPL

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng

Thực hiện các Kế hoạch triển khai thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch hoạt động liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng năm 2016 của Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở Trung ương, Bộ Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 04/7/2013 hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch). Cục Trợ giúp pháp lý đã tham mưu cho Bộ Tư pháp phối hợp với các đơn vị có liên quan của các Bộ, ngành thành viên thành lập Tổ soạn thảo Thông tư liên tịch. Tổ soạn thảo Thông tư liên tịch trân trọng báo cáo Bộ trưởng các Bộ, ngành: Tư pháp, Công an, Quốc phòng, Tài chính; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao những nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư liên tịch như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Để triển khai thi hành Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006, Luật Tố tụng hành chính năm 2011, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2011, ngày 04/7/2013, liên tịch Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch 11).

Qua 03 năm thực hiện, Thông tư liên tịch 11 đã tiếp tục góp phần tạo cơ sở pháp lý đồng bộ trong việc thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng đặc biệt là công tác phối hợp về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng đã đạt được nhiều kết quả thiết thực, góp phần tích cực trong việc củng cố mối quan hệ phối hợp về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, bảo vệ có hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý. Sau 03 năm triển khai, các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (sau đây viết tắt là Trung tâm) trong toàn

quốc đã cung cấp và phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng đặt được hơn 2.700 Bảng thông tin, Hộp tin về trợ giúp pháp lý tại các cơ quan tiến hành tố tụng, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ và các cơ quan tiến hành tố tụng trong quân đội, đồn biên phòng, tạo điều kiện thuận lợi cho người được TGPL tiếp cận. Đồng thời, đã có 23.306 vụ việc TGPL được thực hiện bằng hình thức tham gia tố tụng, trong đó, Trợ giúp viên pháp lý thực hiện 10.803 vụ (chiếm 46%) tăng tỉ lệ lớn so với giai đoạn trước khi thực hiện Thông tư liên tịch 11 (từ năm 2007 - 2012, Trợ giúp viên pháp lý thực hiện 3.846/34.308 vụ việc tham gia tố tụng, tức là chỉ chiếm 15% tổng số vụ việc tham gia tố tụng). Các cơ quan tố tụng đã thực hiện việc cấp khoảng hơn 12.000 lượt giấy chứng nhận tham gia tố tụng của người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự, dân sự, hành chính cho Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên theo đúng quy định tại Điều 39 Luật Trợ giúp pháp lý và Thông tư liên tịch 11. Việc các cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận giấy chứng nhận có hiệu lực trong mọi giai đoạn tố tụng cũng đã tạo điều kiện đơn giản hóa thủ tục hành chính cho Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên, Luật sư của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý trong hoạt động này. Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên và Luật sư của tổ chức tham gia TGPL cũng được tạo thuận lợi trong việc nghiên cứu hồ sơ, tiếp xúc bị can, bị cáo, người tạm giam, tạm giữ. Chất lượng hoạt động trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ngày càng được nâng cao, nhiều bản án được tuyên theo hướng bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên, chuyển đổi tội danh, thay đổi hình phạt ở mức nhẹ hơn hoặc bị cáo được tuyên vô tội.

Tuy nhiên, với việc Quốc hội ban hành Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính và Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam đã đặt ra yêu cầu phải hướng dẫn các quy định về tham gia tố tụng trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, đồng thời, trong quá trình thực hiện, Thông tư liên tịch 11 cũng bắt đầu bộc lộ một số bất cập, hạn chế cụ thể như sau:

Thứ nhất, ngày 25 và 27/11/2015, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính và Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam có hiệu lực từ ngày 01/7/2016 (sau đây gọi tắt là các Bộ luật và luật tố tụng mới). Nhiều nội dung của các Bộ luật và luật tố tụng mới được sửa đổi, bổ sung so với các quy định cũ liên quan đến lĩnh vực trợ giúp pháp lý như: Thủ tục cấp giấy chứng nhận bào chữa được thay thế bằng thủ tục đăng ký bào chữa, cấp giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được thay thế bằng thủ tục đăng ký bào chữa, đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; bổ sung một số cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra) và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (Cán bộ điều tra, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Hội thẩm, Thẩm

tra viên); sửa đổi, bổ sung một số trường hợp người thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối tham gia tố tụng tố tụng; bổ sung quy định cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích cho người thuộc diện trợ giúp pháp lý về quyền được trợ giúp pháp lý, nếu họ đề nghị được trợ giúp pháp lý thì thông báo cho Trung tâm trong tố tụng hình sự. Việc thông báo, giải thích phải ghi vào biên bản; Thẩm phán có trách nhiệm giải thích, hướng dẫn cho đương sự biết để họ thực hiện quyền được yêu cầu trợ giúp pháp lý trong tố tụng dân sự, hành chính; bổ sung quy định về chỉ định người bào chữa cho người bị buộc tội thuộc diện được trợ giúp pháp lý; về Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam: quy định rõ về Buồng tạm giữ của đồn biên phòng; sửa đổi, bổ sung một số chức danh quản lý trong hệ thống cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam; bổ sung trách nhiệm của cơ quan và người làm công tác quản lý tạm giữ, tạm giam trong việc hướng dẫn, giải thích và bảo đảm quyền được trợ giúp pháp lý cho người thuộc diện trợ giúp pháp lý.

Thứ hai, điểm a khoản 1 mục II Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015-2025 được Thủ tướng Chính phủ duyệt theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 01/6/2015 (sau đây viết tắt là Đề án đổi mới) quy định Bộ Tư pháp thực hiện hỗ trợ, điều phối nguồn lực đối với các vụ việc trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực tố tụng. Do đó, cần bổ sung trách nhiệm của Cục Trợ giúp pháp lý trong việc nghiệm thu hồ sơ và chi trả bồi dưỡng cho luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo yêu cầu của Nhà nước và Trợ giúp viên pháp lý thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng đối với vụ việc tham gia tố tụng do ngân sách trung ương hỗ trợ.

Thứ ba, việc triển khai thực hiện Thông tư liên tịch 11 trong thực tiễn cũng đã cho thấy một số hạn chế, bất cập, vướng mắc như sau:

Một là, khoản 1 Điều 15 Thông tư liên tịch 11 chưa quy định được lựa chọn đại diện Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng cấp tỉnh trong thành phần của Hội đồng phối hợp liên ngành cấp tỉnh để bảo đảm sự linh hoạt cho địa phương trong việc cử đại diện của quốc phòng trong Hội đồng. Trong khi ở một số địa phương có đặt trụ sở của cơ quan này có nhu cầu mời thành phần này vào trong Hội đồng phối hợp liên ngành cấp tỉnh thay vì đại diện của Văn phòng Bộ Tư lệnh Quân khu nơi đặt trụ sở hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh (Ví dụ: Lào Cai, Cao Bằng).

Hai là, khoản 5 Điều 16 Thông tư liên tịch 11 quy định thời điểm lấy số liệu báo cáo (từ 01/10 năm trước đến ngày 30/9 năm sau) và thời điểm báo cáo (các thành viên Hội đồng địa phương gửi cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở địa phương chậm nhất vào ngày 25/10; cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở địa phương gửi cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở Trung

ương chậm nhất vào ngày 05/11) chưa tương thích với quy định của Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016 của Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp (thời điểm lấy số liệu báo cáo là từ 01/01 năm trước đến ngày 31/12 năm sau; thời điểm Sở Tư pháp nhận báo cáo của Trung tâm chậm nhất là 15/02 và Bộ Tư pháp nhận báo cáo của Sở Tư pháp chậm nhất là 15/03). Do đó sẽ gây khó khăn, phức tạp cho công tác thống kê, báo cáo và tổng hợp số liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý.

Do sự thay đổi về thể chế (việc ban hành các Bộ luật và luật tố tụng mới có hiệu lực từ ngày 01/7/2016) và những hạn chế, bất cập nêu trên, đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung ngay Thông tư liên tịch 11. Đồng thời, theo điểm h khoản 1 mục II Kế hoạch triển khai thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự ban hành kèm theo Quyết định số 371/QĐ-TTg ngày 09/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên tịch phải được ban hành trong tháng 5/2016. Vì vậy, việc ban hành Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch 11 trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết.

II. NHỮNG QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

1. Bảo đảm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước theo Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, góp phần thực hiện cải cách tư pháp, cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động tố tụng, xã hội hóa hoạt động trợ giúp pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi và nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý.

2. Bảo đảm triển khai các Bộ luật và luật tố tụng mới theo đúng các Kế hoạch triển khai của Thủ tướng Chính phủ.

3. Bảo đảm nội dung Thông tư liên tịch phải tiếp tục quán triệt đầy đủ các nội dung, tinh thần của Luật Trợ giúp pháp lý, phù hợp với các văn bản pháp luật quy định về tố tụng hiện hành, các văn bản luật có liên quan bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

4. Kế thừa những nội dung quy định còn phù hợp của Thông tư liên tịch 11; sửa đổi, bổ sung các quy định để khắc phục tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Ngày 15/3/2016, Cục Trợ giúp pháp lý đã tổ chức cuộc họp Tổ giúp việc Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương góp ý cho dự thảo Thông tư liên tịch.

Ngày 30/3/2016, Tổ soạn thảo Thông tư liên tịch được thành lập với các thành viên là thành viên Tổ giúp việc là đại diện của các Bộ, ngành (Quyết định số 527/QĐ-BTP ngày 30/3/2016 của Bộ Tư pháp).

Trên cơ sở kết quả các buổi làm việc của Tổ soạn thảo, dự thảo Thông tư liên tịch đã được hoàn chỉnh và được Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương tổ chức lấy ý kiến của các ngành thành viên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Hội đồng phối hợp liên ngành của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trên cơ sở các ý kiến tham gia góp ý, Tổ soạn thảo đã nghiên cứu, tiếp thu nghiêm túc hoàn thiện dự thảo Thông tư liên tịch và xin ý kiến của liên ngành để lấy ý kiến thẩm định. Căn cứ ý kiến thẩm định (Công văn số..... ngày..... của.....), Tổ soạn thảo chỉnh lý của liên ngành, Tổ soạn thảo hoàn chỉnh dự thảo Thông tư liên tịch để trình liên ngành xem xét, ký ban hành.

IV. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

1. Về cơ cấu của Thông tư liên tịch

Về cơ bản dự thảo Thông tư liên tịch kế thừa cơ cấu và nội dung của Thông tư liên tịch 11 nhưng có sự sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định trong các Bộ luật và luật tố tụng mới. Thông tư liên tịch bao gồm 06 Chương, 21 Điều và có cơ cấu như sau:

- Chương I. Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 2).
- Chương II. Trách nhiệm của Cục Trợ giúp pháp lý thuộc Bộ Tư pháp, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý (từ Điều 3 đến Điều 7).
- Chương III. Trách nhiệm của người tiến hành tố tụng, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ, Buồng tạm giữ của đồn biên phòng (từ Điều 8 đến Điều 10).
- Chương IV. Đăng ký tham gia tố tụng và từ chối, hủy bỏ việc đăng ký tham gia tố tụng (từ Điều 11 đến Điều 15).
- Chương V. Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng (gồm Điều 16 và Điều 17).
- Chương VI. Tổ chức thực hiện (từ Điều 18 đến Điều 21).

2. Những nội dung cơ bản của Dự thảo Thông tư liên tịch

2.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Điều này sửa đổi, bổ sung Điều 1 Thông tư liên tịch 11 theo hướng phù hợp với quy định của các Bộ luật và luật về tố tụng mới: bổ sung nội dung chỉ định người bào chữa cho người thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự; thay thế thủ tục cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý bằng thủ tục đăng ký tham gia

tổ tụng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 78 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 75 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 61 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

2.2. Đối tượng áp dụng (Điều 2)

Điều này cơ bản kế thừa Điều 2 Thông tư liên tịch 11, tuy nhiên có sửa đổi, bổ sung một số quy định sau phù hợp quy định mới của trong các Bộ luật, luật về tố tụng mới và Đề án đổi mới, cụ thể:

- Khoản 1: Bổ sung cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Cán bộ điều tra, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng hình sự; bổ sung Kiểm tra viên, Hội thẩm và Thẩm tra viên theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 36 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Khoản 2: Bổ sung Buồng tạm giữ của đồn biên phòng ở hải đảo, biên giới xa trung tâm hành chính cấp huyện (sau đây viết tắt là Buồng tạm giữ của đồn biên phòng), Chính trị viên, Trưởng phân trại, Phó Trưởng phân trại, Đội trưởng, Phó Đội trưởng, người làm nhiệm vụ quản giáo trong Trại tạm giam và Nhà tạm giữ, Trưởng Buồng tạm giữ của đồn biên phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 11, Điều 14 và Điều 15 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam.

- Khoản 3: Được bổ sung mới cho phù hợp với quy định về cơ quan quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý tại điểm a khoản 1 mục II Đề án đổi mới.

2.3. Trách nhiệm của Cục Trợ giúp pháp lý (Điều 3)

Điều này được bổ sung mới, quy định trách nhiệm của Cục Trợ giúp pháp lý trong việc nghiệm thu hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý và chi trả bồi dưỡng cho Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo yêu cầu của Nhà nước và Trợ giúp viên pháp lý thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng đối với các vụ việc tham gia tố tụng do ngân sách trung ương hỗ trợ cho thống nhất với khoản 3 Điều 2 dự thảo Thông tư liên tịch.

2.4. Trung tâm và Chi nhánh (Điều 4)

Điều này cơ bản giữ nguyên Điều 3 Thông tư liên tịch 11, tuy nhiên có sửa đổi, bổ sung như sau: Bổ sung cơ quan phối hợp là Buồng tạm giữ của đồn biên phòng cho thống nhất với Điều 2 dự thảo Thông tư liên tịch; tại khoản 4 sửa đổi trách nhiệm “thông báo” danh sách người thực hiện trợ giúp pháp lý cho cơ quan tiến hành tố tụng, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ và Buồng giam giữ bằng “cập nhật và cung cấp” cho phù hợp với tình hình thực tiễn triển khai công tác trợ giúp pháp lý trong tố tụng của địa phương.

2.5. Trách nhiệm của người thực hiện trợ giúp pháp lý khi tham gia tố tụng (Điều 6)

Điều này cơ bản kế thừa quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch 11, tuy nhiên có sửa đổi, bổ sung một số quy định phù hợp với các Bộ luật, luật tố tụng mới, cụ thể:

- Khoản 1: Bổ sung trách nhiệm của người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng với tư cách người bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị hại trong vụ án hình sự theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Khoản 2: Sửa đổi, bổ sung các trường hợp người thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối tham gia tố tụng trong lĩnh vực tố tụng hình sự theo quy định tại Điều 49, khoản 4, khoản 5 Điều 72 và khoản 5 Điều 78 Bộ luật Tố tụng hình sự: Sửa đổi trường hợp “Đồng thời là người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án; là người đại diện hợp pháp, người thân thích của người đó hoặc của bị can, bị cáo” thành “Đồng thời là người bị hại, đương sự; là người đại diện hợp pháp, người thân thích của bị hại, đương sự hoặc của người bị buộc tội”; bổ sung trường hợp “Có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ”.

- Khoản 3: Bổ sung các trường hợp người thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối tham gia tố tụng trong lĩnh vực tố tụng dân sự theo quy định tại Điều 52, khoản 3 Điều 75, Điều 87 Bộ luật Tố tụng dân sự: Đã là người tiến hành tố tụng trong vụ việc đó; có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.

- Khoản 4: Bổ sung các trường hợp người thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối tham gia tố tụng trong lĩnh vực tố tụng hành chính theo quy định tại Điều 45, khoản 6 Điều 60, khoản 3 Điều 61 Luật Tố tụng hành chính: Đã là người tiến hành tố tụng trong vụ việc đó; đã tham gia vào việc lập danh sách cử tri bị khởi kiện; có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.

2.6. Thay thế người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng (Điều 7)

Điều này được cơ cấu lại so với Điều 6 Thông tư liên tịch 11, cụ thể: tách giữa quy định về các trường hợp người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng bị thay thế (khoản 1 quy định về 02 trường hợp phải thay thế người thực hiện trợ giúp pháp lý là từ chối và hủy bỏ việc đăng ký tham gia tố tụng) và thủ tục quy định về việc thay thế này (khoản 2 về thủ tục thay thế trong trường hợp từ chối đăng ký tham gia tố tụng và khoản 3 về thủ tục thay thế trong trường hợp hủy bỏ đăng ký tham gia tố tụng).

2.7. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (Điều 8)

Điều này cơ bản kế thừa Điều 7 của Thông tư liên tịch 11, tuy nhiên có sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các quy định trong các Bộ luật và luật tố tụng mới, cụ thể:

- Tên Điều và khoản 2, khoản 8, khoản 9: bổ sung trách nhiệm của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra bên cạnh trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng theo quy định tại Điều 34, Điều 35 Bộ luật Tố tụng hình sự và thống nhất với quy định về nội dung này trong dự thảo Thông tư liên tịch.

- Khoản 1: Sửa đổi trách nhiệm cấp, tư chối, thu hồi giấy chứng nhận tham gia tố tụng bằng trách nhiệm đăng ký, từ chối, hủy bỏ việc đăng ký tham gia tố tụng thống nhất với các quy định về nội dung này tại Thông tư liên tịch và phù hợp với quy định của các Bộ luật và luật về tố tụng mới.

- Khoản 2: Được bổ sung mới theo quy định của Điều 71 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 3 Điều 9 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 19 Luật Tố tụng hành chính theo hướng quy định trách nhiệm giải thích cho người tham gia tố tụng thuộc diện trợ giúp pháp lý tách bạch giữ lĩnh vực tố tụng hình sự với tố tụng dân sự và tố tụng hành chính, theo đó trong lĩnh vực hình sự, các cơ quan có thẩm quyền giải thích cho người bị buộc tội, người bị hại thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý và thông báo cho Trung tâm khi họ có yêu cầu; trong lĩnh vực dân sự, hành chính, các cơ quan này chỉ có trách nhiệm giải thích cho các đương sự; bổ sung đoạn quy định về mẫu giải thích, thông báo và hậu quả của việc không giải thích, thông báo hoặc có làm nhưng không ghi vào biên bản: Việc giải thích, thông báo được thực hiện bằng mẫu theo quy định của Thông tư liên tịch này (Mẫu TT-TGPL... và mẫu TT-TGPL...). Việc không giải thích, thông báo hoặc có giải thích, thông báo nhưng không ghi vào biên bản bị coi là hành vi vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; bổ sung quy định các cơ quan có thẩm quyền phải vào sổ thụ lý đối vụ việc tiếp nhận (Mẫu TT-TGPL...) và sổ này được đặt tại nơi thực hiện nhiệm vụ giải thích cho các đối tượng nhằm quản lý, theo dõi và thống kê được số vụ việc cũng như các đối tượng được trợ giúp pháp lý.

- Khoản 5: Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch 11 từ “Thông báo thời gian, địa điểm xét hỏi bị can, bị cáo hoặc người bị tạm giữ cho người thực hiện trợ giúp pháp lý là người bào chữa tham dự” thành “Thông báo trước về thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung và thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự cho người thực hiện trợ giúp pháp lý là người bào chữa tham dự”.

- Khoản 6: thay thế “cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng” bằng “đăng ký tham gia tố tụng” cho thống nhất với các quy định về nội dung này tại Thông tư liên tịch.

- Khoản 9: Điểm a sửa đổi theo hướng quy định khái quát những loại quyết định tố tụng, giấy tờ khác mà cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có cách nhiệm phải giao cho người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích của các đối tượng; bổ sung đối tượng được nhận các văn bản này là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố phù hợp với quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b sửa đổi theo hướng quy định khái quát những loại quyết định tố tụng, giấy tờ khác mà Tòa án có trách nhiệm phải giao cho các đương sự phù hợp với quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật Tố tụng hành chính.

2.8. Trách nhiệm của Trại tạm giam, Nhà tạm giữ, Buồng tạm giữ của đồn biên phòng (Điều 9)

Điều này cơ bản kế thừa Điều 8 Thông tư liên tịch 11, tuy nhiên có bổ sung các quy định sau:

- Tên điều và khoản 3: Bổ sung Buồng tạm giữ của đồn biên phòng cho thống nhất với quy định về nội dung này trong dự thảo Thông tư liên tịch.

- Khoản 1: Bổ sung mới phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam, quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam trong việc hướng dẫn, giải thích và bảo đảm thực hiện quyền trợ giúp pháp lý của người bị tạm giữ, tạm giam thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Việc giải thích được thực hiện theo quy định về giải thích trong lĩnh vực tố tụng hình sự tại khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch này (việc giải thích phải ghi vào biên bản, thực hiện theo mẫu và vào sổ thụ lý đối với vụ việc tiếp nhận).

2.9. Trách nhiệm của người tiến hành tố tụng, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Giám thị, Phó Giám thị Trại tạm giam, Chính trị viên, Trưởng phân trại, Phó Trưởng phân trại, Đội trưởng, Phó Đội trưởng và người làm nhiệm vụ quản giáo; Trưởng Nhà tạm giữ, Phó trưởng Nhà tạm giữ và người làm nhiệm vụ quản giáo; Trưởng buồng tạm giữ của đồn biên phòng (Điều 10)

Điều này cơ bản kế thừa Điều 9 Thông tư liên tịch 11, tuy nhiên có sửa đổi, bổ sung các quy định sau cho phù hợp với các Bộ luật và luật tố tụng mới:

- Tên Điều: Thẩm quyền của những người tiến hành tố tụng, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, người có thẩm quyền quản lý hoạt động tạm giam, tạm giữ được sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 2 dự thảo Thông tư liên tịch.

- Khoản 1: Bổ sung người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra bên cạnh người tiến hành tố tụng thống nhất với quy định về nội dung này trong dự thảo Thông tư liên tịch; về trách nhiệm của người có thẩm quyền trong lĩnh vực dân sự và hành chính, giữ nguyên nội dung trong khoản 1 Điều 9 Thông tư liên tịch 11. Trách nhiệm của người có thẩm quyền trong lĩnh vực hình sự có kế thừa quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư liên tịch 11, tuy nhiên có sự sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng hình sự theo hướng quy định cụ thể trong việc giải thích cho người bị buộc tội, người bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý và bổ sung nghĩa vụ thông báo cho Trung tâm về yêu cầu trợ giúp pháp lý của đối tượng và việc thông báo này cũng phải được ghi trong biên bản tố tụng.

- Khoản 2: Những người có thẩm quyền quản lý tạm giam, tạm giữ được sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định về nội dung này trong dự thảo Thông tư liên tịch; bổ sung trách nhiệm của các cơ quan trên trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho người thực hiện trợ giúp pháp lý gặp gỡ người bị tạm giữ, tạm giam và xác nhận thời gian này cho phù hợp với thực tiễn.

2.10. Đăng ký tham gia tố tụng (Điều 11)

Điều này được sửa đổi toàn bộ so với Điều 10 Thông tư liên tịch 11. Điều 11 quy định về thủ tục đăng ký tham gia tố tụng được phân chia thành thủ tục đăng ký trong lĩnh vực tố tụng hình sự và tố tụng dân sự, hành chính:

- Trong lĩnh vực tố tụng hình sự: khi đăng ký tham gia tố tụng, các đối tượng phải xuất trình các giấy tờ sau:

+ Đối với Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên: Trợ giúp viên phải xuất trình văn bản cử người tham gia tố tụng của Trung tâm, Chi nhánh và Thẻ Trợ giúp viên pháp lý kèm theo bản sao có chứng thực hoặc Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý, Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực đối với người được cử là Luật sư cộng tác viên.

+ Đối với Luật sư của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý: Luật sư phải xuất trình văn bản cử luật sư của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý nơi luật sư đó hành nghề và Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực.

Trong vòng 24 giờ kể từ khi người thực hiện trợ giúp pháp lý xuất trình đầy đủ giấy tờ trên, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải vào sổ đăng ký bào chữa, gửi ngay văn bản thông báo người bào chữa cho người thực hiện trợ giúp pháp lý đăng ký bào chữa và lưu giấy tờ liên quan đến việc đăng ký bào chữa vào hồ sơ vụ án, nếu từ chối thì phải có văn bản nêu rõ lý do. Trường hợp chỉ định người bào chữa quy định tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự cũng áp dụng quy định này.

- Trong lĩnh vực tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, khi đề nghị Tòa án làm thủ tục đăng ký tham gia tố tụng, các đối tượng phải xuất trình các tài liệu sau:

+ Đối với Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư công tác viên: khi đăng ký tham gia tố tụng phải xuất trình văn bản cử người tham gia tố tụng của Trung tâm, Chi nhánh và Thẻ Trợ giúp viên pháp lý đối với người được cử là Trợ giúp viên pháp lý kèm theo bản sao có chứng thực hoặc Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý, Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực đối với người được cử là Luật sư cộng tác viên.

+ Đối với luật sư của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý: khi đăng ký tham gia tố tụng phải xuất trình văn bản cử luật sư của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý nơi luật sư đó hành nghề và Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ giấy tờ hợp lệ, Tòa án phải vào sổ đăng ký tham gia tố tụng và xác nhận vào giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, trường hợp từ chối thì phải có văn bản nêu rõ lý do.

- Về gửi văn bản thông báo việc đăng ký tham gia tố tụng: Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong vòng 24 giờ phải gửi văn bản thông báo cho người thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức trực tiếp, fax hoặc gửi theo hình thức chuyển phát nhanh.

2.11. Hiệu lực của việc đăng ký tham gia tố tụng (Điều 12)

Điều này cơ bản kế thừa Điều 11 Thông tư liên tịch 11, tuy nhiên thủ tục cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng được sửa đổi thành thủ tục đăng ký tham gia tố tụng phù hợp với quy định về nội dung này trong dự thảo Thông tư liên tịch, cụ thể:

- Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng từ giai đoạn nào thì đăng ký tham gia tố tụng ở giai đoạn đó và văn bản thông báo người đăng ký tham gia tố tụng có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng trừ các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 78 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong trường hợp phục hồi điều tra vụ án, tách, nhập vụ án thì người thực hiện trợ giúp pháp lý vẫn tiếp tục tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án. Trường hợp vụ án cần điều tra lại thì phải đăng ký tham gia tố tụng lại.

- Trong lĩnh vực tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, việc đăng ký tham gia tố tụng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý do Tòa án đang thụ lý vụ việc dân sự hoặc vụ án hành chính thực hiện và văn bản đăng ký tham gia tố tụng có hiệu lực từ khi cấp đến khi kết thúc vụ án. Trường hợp tách, nhập vụ án thì người thực hiện trợ giúp pháp lý tiếp tục tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án. Trường hợp vụ án xét xử lại thì phải đăng ký lại việc tham gia tố tụng.

- Trường hợp người thực hiện trợ giúp pháp lý bị thay thế theo quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật trợ giúp pháp lý thì việc đăng ký tham gia tố tụng cho người thay thế được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư liên tịch.

2.12. Từ chối việc đăng ký tham gia tố tụng (Điều 13)

Điều này sửa đổi, bổ sung Điều 12 Thông tư liên tịch 11, quy định: Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng từ chối việc đăng ký tham gia tố tụng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý thì trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày nhận được văn bản cử người thực hiện trợ giúp pháp lý của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thì phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

2.13. Hủy bỏ việc đăng ký tham gia tố tụng (Điều 14)

Điều này được bổ sung mới, quy định: Trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hủy bỏ việc đăng ký bào chữa, trong vòng thời gian 24 giờ kể từ khi hủy bỏ việc đăng ký bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý.

2.14. Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở địa phương (Điều 17)

Điều này cơ bản kế thừa Điều 15 Thông tư liên tịch 11, tuy nhiên có sửa đổi, bổ sung 02 nội dung:

- Khoản 1, khoản 2: Bổ sung thành phần Hội đồng địa phương là đại diện Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh đối với đại diện của cơ quan quốc phòng tại địa phương bên cạnh thành phần đại diện Tư lệnh Quân khu nơi đặt trụ sở hoặc Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh cho phù hợp với thực tiễn của địa phương nơi.

- Khoản 5: Sửa đổi kỳ báo cáo, thời hạn gửi báo cáo, mẫu báo cáo cho phù hợp với Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03/3/2016 của Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp để bảo đảm đơn giản hóa và thống nhất trong công tác thống kê, báo cáo về trợ giúp pháp lý; phù hợp với thực tiễn công tác quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý trong tố tụng.

2.15. Các quy định khác (Điều 5, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 19, Điều 20 và Điều 21)

- Điều 5 về trách nhiệm của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý, Điều 15 về thu hồi văn bản thông báo đăng ký tham gia tố tụng trong dự thảo Thông tư liên tịch, Điều 18 về trách nhiệm thực hiện: Cơ bản kế thừa Điều 4, Điều 13 và Điều

16 Thông tư liên tịch 11. Tuy nhiên các Điều này có sự sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho thống nhất với các quy định về các nội dung này trong dự thảo Thông tư liên tịch: bổ sung “cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra” bên cạnh cơ quan tiến hành tố tụng trong việc đăng ký, từ chối việc đăng ký tham gia tố tụng, thu hồi văn bản thông báo đăng ký tham gia tố tụng; bổ sung cơ quan phối hợp với tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý là Buồng giam giữ của đồn biên phòng; thay thế thủ tục cấp, từ chối, thu hồi, giấy chứng nhận tham gia tố tụng bằng thủ tục cấp, từ chối, thu hồi, hủy bỏ đăng ký tham gia tố tụng; bổ sung thành phần Hội đồng địa phương là đại diện Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh đối với đại diện của cơ quan quốc phòng tại địa phương bên cạnh thành phần đại diện Tư lệnh Quân khu nơi đặt trụ sở hoặc Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh phù hợp với quy định tại Điều 17 dự thảo Thông tư liên tịch.

- Điều 16 về Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở Trung ương và Điều 19 về kinh phí thực hiện trong dự thảo Thông tư liên tịch: giữ nguyên quy định tại Điều 14 và Điều 17 Thông tư liên tịch 11.

- Điều 20 về điều khoản chuyển tiếp và Điều 21 về hiệu lực thi hành, cơ bản kế thừa Điều 18 và Điều 19 của Thông tư liên tịch 11, tuy nhiên có chỉnh sửa về mặt kỹ thuật cho phù hợp: thay “Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 28/12/2007 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng” bằng “Thông tư liên tịch 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 04/7/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng”.

V. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

Về việc xây dựng mẫu sổ thụ lý, có hai ý kiến khác nhau:

- Ý kiến thứ nhất cho rằng việc thống kê được số lượng người thuộc diện trợ giúp pháp lý trên tổng số đối tượng thụ lý là rất quan trọng để bảo đảm đánh giá được hiệu quả trong việc bảo đảm đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý được tiếp cận và cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý, tránh việc bỏ sót đối tượng. Trong khi đó, các Bộ luật và luật tố tụng mới đã quy định về nghĩa vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, cơ quan quản lý hoạt động tạm giữ, tạm giam giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý của các đối tượng thuộc diện trợ giúp pháp lý và trong lĩnh vực hình sự còn phải thông báo cho Trung tâm khi đối tượng có yêu cầu. Do đó, dự

thảo Thông tư liên tịch đưa ra mẫu sổ thụ lý nhằm bảo đảm việc thống kê, quản lý đối tượng được thuận lợi dễ dàng giúp cho công tác quản lý về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng đạt hiệu quả.

- Ý kiến thứ hai cho rằng hiện nay các ngành đều đang thực hiện theo mẫu sổ thụ lý riêng, nếu ban hành mẫu sổ thụ lý theo Thông tư liên tịch này sẽ dẫn đến việc có thêm sổ thụ lý, đồng thời có thể tích hợp mẫu sổ này vào mẫu sổ chung của từng ngành.

Tổ soạn thảo cho rằng việc tích hợp vào sổ thụ lý chung của ngành thì từng ngành sẽ phải ban hành khi cần sửa đổi, ban hành ngay sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Tư pháp thì sẽ mất thời gian, khó có thể ban hành Thông tư liên tịch đúng hạn. Do vậy, thống nhất với ý kiến thứ nhất, Tổ soạn thảo thiết kế mẫu sổ thụ lý trong dự thảo Thông tư liên tịch.

Trên đây là tờ trình về dự thảo Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng thay thế Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 04/7/2013 của liên ngành Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, Tổ soạn thảo kính trình Lãnh đạo liên ngành: Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Công an, Quốc phòng (đề b/c);
- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (đề b/c);
- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao (đề b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Khánh Ngọc (đề b/c);
- Lưu: VT, CS&QLNV.

TM. TỔ SOẠN THẢO
CỤC TRƯỞNG CỤC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Nguyễn Thị Minh

Số: /2016/TTLT-BTP-BCA-BQP-
BTC-VKSNDTC-TANDTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật
về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về việc phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý; chỉ định người bào chữa cho người thuộc diện được trợ giúp pháp lý; đăng ký bào chữa, đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự (sau đây viết tắt là đăng ký tham gia tố tụng), từ chối, hủy bỏ việc đăng ký tham gia tố tụng của người thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân sau đây:

1. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sau đây viết tắt là cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra); Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra và người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo khoản 2 Điều 35 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sau đây viết tắt là

người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra); Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên; Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên.

2. Trại tạm giam, Nhà tạm giữ, Buồng tạm giữ của đồn biên phòng ở hải đảo, biên giới xa trung tâm hành chính cấp huyện (sau đây viết tắt là Buồng tạm giữ của đồn biên phòng); Giám thị, Phó Giám thị Trại tạm giam, Chính trị viên, Trưởng phân trại, Phó Trưởng phân trại, Đội trưởng, Phó Đội trưởng, người làm nhiệm vụ quản giáo trong Trại tạm giam; Trưởng Nhà tạm giữ, Phó trưởng Nhà tạm giữ, người làm nhiệm vụ quản giáo trong Nhà tạm giữ; Trưởng buồng tạm giữ của đồn biên phòng.

3. Cục Trợ giúp pháp lý thuộc Bộ Tư pháp.

4. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý bao gồm: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (sau đây viết tắt là Trung tâm), Chi nhánh của Trung tâm (sau đây viết tắt là Chi nhánh); tổ chức hành nghề luật sư, Trung tâm tư vấn pháp luật có đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý (sau đây viết tắt là tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý).

Người thực hiện trợ giúp pháp lý bao gồm: Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư là cộng tác viên trợ giúp pháp lý (sau đây viết tắt là Luật sư cộng tác viên), Luật sư làm việc cho tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý (sau đây viết tắt là Luật sư).

5. Người được trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc phối hợp, thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA CỤC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ THUỘC BỘ TƯ PHÁP, TỔ CHỨC THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ NGƯỜI THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Điều 3. Trách nhiệm của Cục Trợ giúp pháp lý thuộc Bộ Tư pháp

Cục Trợ giúp pháp lý có trách nhiệm thực hiện việc nghiệm thu hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý và chi trả bồi dưỡng cho Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo yêu cầu của Nhà nước và Trợ giúp viên pháp lý thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng đối với các vụ việc tham gia tố tụng do ngân sách trung ương hỗ trợ.

Điều 4. Trách nhiệm của Trung tâm và Chi nhánh

1. Kiểm tra diện người được trợ giúp pháp lý, bảo đảm người được trợ giúp pháp lý có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Cử Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý và pháp luật tố tụng; cử Trợ giúp viên

pháp lý, Luật sư cộng tác viên khác thay thế theo quy định tại Thông tư liên tịch này.

3. Cung cấp Bảng thông tin, Tờ thông tin về trợ giúp pháp lý (người được trợ giúp pháp lý; quyền và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý; thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý; địa chỉ, điện thoại liên hệ của Trung tâm, Chi nhánh), Hộp tin trợ giúp pháp lý, mẫu đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý, tờ gấp pháp luật, các tài liệu pháp luật có liên quan về trợ giúp pháp lý cho cơ quan tiến hành tố tụng, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ, *Buồng tạm giữ của đồn biên phòng*.

4. Thông báo, *cập nhập và cung cấp* danh sách Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên của Trung tâm, Chi nhánh cho cơ quan tiến hành tố tụng, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ, *Buồng tạm giữ của đồn biên phòng*.

5. Thông tin đầy đủ các quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong trường hợp có sửa đổi, bổ sung, thay thế cho cơ quan tiến hành tố tụng, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ, *Buồng tạm giữ của đồn biên phòng*.

6. Nghiệm thu hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý và chi trả bồi dưỡng cho Luật sư cộng tác viên, phụ cấp cho Trợ giúp viên pháp lý thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại của Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên theo thẩm quyền.

Điều 5. Trách nhiệm của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý

1. Thực hiện quy định tại khoản *Điều 4* Thông tư liên tịch này.
2. Cử Luật sư tham gia tố tụng và cử Luật sư thay thế theo quy định của Thông tư liên tịch này.
3. Chuyển vụ việc cho Trung tâm, Chi nhánh trong trường hợp không có Luật sư thay thế theo quy định *Điều 8* Thông tư liên tịch này.
4. Thông báo cho cơ quan tiến hành tố tụng, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ, *Buồng tạm giữ của đồn biên phòng* địa chỉ, điện thoại liên hệ của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý, Luật sư.

Điều 6. Trách nhiệm của người thực hiện trợ giúp pháp lý khi tham gia tố tụng

1. Khi tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị hại hoặc đương sự trong vụ án hình sự; người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự hoặc người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật về trợ giúp pháp lý.

2. Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối tham gia tố tụng trong các trường hợp:

- a) Đã là người tiến hành tố tụng trong vụ án đó;
- b) Là người thân thích của người đã hoặc đang tiến hành tố tụng trong vụ án đó;
- c) Đồng thời là người bị hại, *đương sự*; là người đại diện hợp pháp, người thân thích của *bị hại, đương sự* hoặc của *người bị buộc tội*;
- d) Đã tham gia vụ án đó với tư cách là người làm chứng, người giám định, *người định giá tài sản*, người phiên dịch, *người dịch thuật*;
- đ) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 45 Luật Trợ giúp pháp lý;
- e) *Có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ.*

3. Trong lĩnh vực tố tụng dân sự, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối tham gia tố tụng trong các trường hợp:

- a) *Đã là người tiến hành tố tụng trong vụ việc đó;*
- b) Đồng thời là đương sự, người đại diện, người thân thích của đương sự;
- c) *Đồng thời là người làm chứng, người giám định, người phiên dịch trong cùng vụ việc đó;*
- d) Thuộc trường hợp quy định tại điểm đ và điểm e khoản 2 Điều này.

4. Trong lĩnh vực tố tụng hành chính, người thực hiện trợ giúp pháp lý phải từ chối tham gia tố tụng trong các trường hợp:

- a) *Đã là người tiến hành tố tụng trong cùng vụ án;*
- b) Thuộc các trường hợp quy định tại điểm đ và điểm e khoản 2, điểm b và c khoản 3 Điều này;
- c) Đã tham gia vào việc ra quyết định hành chính hoặc có liên quan đến hành vi hành chính bị khởi kiện;
- d) Đã tham gia vào việc ra quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện;
- đ) Đã tham gia vào việc ra quyết định kỷ luật buộc thôi việc công chức hoặc đã tham gia vào việc ra quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật buộc thôi việc công chức bị khởi kiện;
- e) Đã tham gia vào việc ra quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh bị khởi kiện;
- g) *Đã tham gia vào việc lập danh sách cử tri bị khởi kiện.*

5. Trong quá trình tham gia tố tụng, nếu phát hiện người tiến hành tố tụng có hành vi vi phạm pháp luật hoặc gây phiền hà, cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo pháp luật thì người thực hiện trợ giúp pháp lý có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật tố tụng, đồng thời báo cáo tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

Điều 7. Thay thế người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng

1. Người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng bị thay thế trong các trường hợp sau:

a) Bị từ chối việc đăng ký tham gia tố tụng theo Điều 13 Thông tư liên tịch này.

b) Bị hủy bỏ việc đăng ký tham gia tố tụng theo Điều 14 Thông tư liên tịch này.

2. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra từ chối việc đăng ký tham gia tố tụng, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý khác thay thế. Trường hợp không đồng ý với việc từ chối của cơ quan tiến hành tố tụng thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý bị từ chối có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng vẫn phải cử người thay thế.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày hủy bỏ việc đăng ký tham gia tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cử người thay thế, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Thông tư liên tịch này (Quyết định cử người thay thế được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp).

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI TIẾN HÀNH TỐ TỤNG, NGƯỜI ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ TIẾN HÀNH MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA, CƠ QUAN TIẾN HÀNH TỐ TỤNG, CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ TIẾN HÀNH MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA, TRẠI TẠM GIAM, NHÀ TẠM GIỮ, BUỒNG TẠM GIỮ CỦA ĐƠN BIÊN PHÒNG

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra

1. Đăng ký, từ chối, hủy bỏ việc đăng ký tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 11, Điều 13 và Điều 14 Thông tư liên tịch này.

2. Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm giải thích cho người bị buộc tội, người bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý về quyền được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý; nếu họ đề nghị được

trợ giúp pháp lý thì cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thông báo cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Việc thông báo, giải thích phải được ghi vào biên bản.

Trong lĩnh vực tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm giải thích cho đương sự, người đại diện, người thân thích của đương sự về quyền được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý; nếu họ đề nghị được trợ giúp pháp lý thì cơ quan tiến hành tố tụng thông báo cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Việc giải thích phải được ghi vào biên bản.

Việc giải thích, thông báo được thực hiện bằng mẫu theo quy định của Thông tư liên tịch này (Mẫu TT-TGPL-01A, TT-TGPL-01B và TT-TGPL-02). Việc không giải thích, thông báo hoặc có giải thích, thông báo nhưng không ghi vào biên bản bị coi là hành vi vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm vào sổ thụ lý đối với các vụ việc tiếp nhận theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này (Mẫu TT-TGPL-03). Sổ thụ lý được đặt tại nơi thực hiện nhiệm vụ giải thích cho người bị buộc tội, người bị hại, đương sự thuộc diện được trợ giúp pháp lý về quyền được trợ giúp pháp lý của họ.

3. Niêm yết Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý, đặt Hộp tin trợ giúp pháp lý; phát miễn phí tờ gấp pháp luật, mẫu đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý và các tài liệu pháp luật có liên quan về trợ giúp pháp lý tại các địa điểm tiếp dân của cơ quan mình.

4. Yêu cầu Trung tâm, Chi nhánh phối hợp thực hiện các hoạt động truyền thông và hướng dẫn về trợ giúp pháp lý.

5. Thông báo trước về thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung và thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cho người thực hiện trợ giúp pháp lý là người bào chữa tham dự.

6. Đối với việc xét xử, Tòa án thông báo lịch xét xử bằng văn bản cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý đã được đăng ký tham gia tố tụng ít nhất 10 ngày trước ngày xét xử. Đối với vụ án xét xử theo thủ tục rút gọn, Tòa án thông báo lịch xét xử bằng văn bản cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý đã được đăng ký tham gia tố tụng ít nhất 07 ngày trước ngày xét xử. Tòa án ghi rõ trong bản án, quyết định tên và chức danh của người thực hiện trợ giúp pháp lý do tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cử tham gia tố tụng và ghi rõ ý kiến hoặc quan điểm của họ khi bào chữa, đại diện, bảo vệ quyền lợi của người được trợ giúp pháp lý.

7. Bảo đảm cho người thực hiện trợ giúp pháp lý khi tham gia tố tụng theo Điều 29 Luật Trợ giúp pháp lý thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự; người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự; người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính theo quy định của pháp luật về tố tụng và pháp luật về trợ giúp pháp lý; xác nhận về thời gian mà người thực hiện trợ giúp pháp lý làm việc, nghiên cứu hồ sơ tại cơ quan mình.

8. Trong quá trình tham gia tố tụng, nếu phát hiện người thực hiện trợ giúp pháp lý có hành vi vi phạm pháp luật thì cơ quan tiến hành tố tụng, *cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra* xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý để kịp thời xử lý theo thẩm quyền và thay thế người thực hiện trợ giúp pháp lý.

9. Giao các văn bản tố tụng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý đã tham gia tố tụng trong vụ án đó, cụ thể như sau:

a) Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng, *cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra* giao các quyết định tố tụng, *giấy tờ khác* theo quy định cho người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị hại hoặc đương sự trong vụ án hình sự.

b) Trong lĩnh vực tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, Tòa án giao các quyết định tố tụng, *giấy tờ khác* theo quy định cho người đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính.

Điều 9. Trách nhiệm của Trại tạm giam, Nhà tạm giữ, Buồng tạm giữ của đồn biên phòng

1. Hướng dẫn, giải thích và bảo đảm thực hiện quyền trợ giúp pháp lý của người bị tạm giữ, tạm giam thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Việc giải thích được thực hiện theo quy định về giải thích trong lĩnh vực tố tụng hình sự tại khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch này.

2. Thực hiện các hoạt động theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 8 Thông tư liên tịch này.

3. Niêm yết Tờ thông tin về trợ giúp pháp lý trong Buồng tạm giam, tạm giữ, Buồng tạm giữ của đồn biên phòng và nơi sinh hoạt chung của người bị tạm giam, tạm giữ.

Điều 10. Trách nhiệm của người tiến hành tố tụng, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Giám thị, Phó Giám thị Trại tạm giam, Chính trị viên, Trưởng phân trại, Phó Trưởng phân trại, Đội trưởng, Phó Đội trưởng và người làm nhiệm vụ quản giáo; Trưởng Nhà tạm giữ, Phó trưởng Nhà tạm giữ và người làm nhiệm vụ quản giáo; Trưởng buồng tạm giữ của đồn biên phòng

1. Khi tiến hành hoạt động tố tụng, người tiến hành tố tụng có trách nhiệm:

a) Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, người tiến hành tố tụng và người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm giải thích cho người bị buộc tội, người bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý về quyền được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý; nếu họ đề nghị được trợ giúp pháp lý thì người tiến hành tố tụng, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thông báo cho Trung tâm. Việc thông báo, giải thích phải ghi vào biên bản để lưu tại hồ sơ vụ án. Khi họ có yêu cầu trợ giúp pháp lý thì cung cấp cho họ mẫu đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý và hướng dẫn họ viết đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý, địa chỉ liên lạc của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và hướng dẫn họ hoặc người thân thích, người đại diện hợp pháp của họ về thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý và người tiến hành tố tụng, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thông báo cho Trung tâm. Trường hợp người bị buộc tội, bị hại không đồng ý người thực hiện trợ giúp pháp lý do tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cử thì họ có quyền lựa chọn và đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý. Trường hợp những người này không có yêu cầu trợ giúp pháp lý thì người tiến hành tố tụng cũng ghi rõ trong biên bản.

b) Trong lĩnh vực tố tụng dân sự và hành chính, người tiến hành tố tụng có trách nhiệm giải thích cho các đương sự biết về quyền và nghĩa vụ của họ theo pháp luật tố tụng; quyền được trợ giúp pháp lý và hướng dẫn họ tiếp cận các thông tin về trợ giúp pháp lý. Việc giải thích phải được ghi trong biên bản tố tụng để lưu tại hồ sơ vụ án. Khi họ có yêu cầu trợ giúp pháp lý thì cung cấp cho họ mẫu đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý và hướng dẫn họ viết đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý, địa chỉ liên lạc của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và hướng dẫn họ hoặc người thân thích, người đại diện hợp pháp của họ về thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý. Trường hợp những người này không có yêu cầu trợ giúp pháp lý thì người tiến hành tố tụng cũng ghi rõ trong biên bản.

2. Giám thị, Phó Giám thị Trại tạm giam, Chính trị viên, Trưởng phân trại, Phó Trưởng phân trại, Đội trưởng, Phó Đội trưởng, người làm nhiệm vụ quản giáo; Trưởng Nhà tạm giữ, Phó trưởng Nhà tạm giữ, người làm nhiệm vụ quản giáo; Trưởng Buồng giam giữ của đồn biên phòng có trách nhiệm:

a) Giải thích cho người bị tạm giữ, tạm giam biết về quyền và nghĩa vụ của họ theo pháp luật tố tụng; quyền được trợ giúp pháp lý. Khi người bị tạm giữ, tạm giam có yêu cầu trợ giúp pháp lý thì hướng dẫn họ viết đơn yêu cầu trợ giúp

pháp lý và chuyển đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý nơi người được trợ giúp pháp lý yêu cầu hoặc tại địa bàn nơi đặt trụ sở của cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án hoặc nơi đặt Trại tạm giam, Nhà tạm giữ;

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho người thực hiện trợ giúp pháp lý *gặp gỡ*, tiếp xúc với người bị tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật;

c) Xác nhận về thời gian người thực hiện trợ giúp pháp lý *gặp gỡ*, tiếp xúc với người bị tạm giữ, tạm giam.

Chương IV

ĐĂNG KÝ THAM GIA TỐ TỤNG VÀ TỪ CHỐI, HỦY BỎ VIỆC ĐĂNG KÝ THAM GIA TỐ TỤNG

Điều 11. Đăng ký tham gia tố tụng

Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện đăng ký bào chữa; Tòa án thực hiện đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính.

1. Việc đăng ký tham gia tố tụng

a) Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, khi đăng ký tham gia tố tụng:

- Đối với Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xuất trình văn bản cử người tham gia tố tụng của Trung tâm, Chi nhánh và Thẻ Trợ giúp viên pháp lý đối với người được cử là Trợ giúp viên pháp lý kèm theo bản sao có chứng thực hoặc Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý, Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực đối với người được cử là Luật sư cộng tác viên, cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra vào sổ đăng ký bào chữa, gửi ngay văn bản thông báo người bào chữa cho người thực hiện trợ giúp pháp lý đăng ký bào chữa và lưu giấy tờ liên quan đến việc đăng ký bào chữa vào hồ sơ vụ án.

Đối với trường hợp chỉ định người bào chữa quy định tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì Trợ giúp viên pháp lý, luật sư cộng tác viên xuất trình Thẻ Trợ giúp viên pháp lý hoặc Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý, Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử người tham gia tố tụng của Trung tâm, Chi nhánh.

Trong trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Khi đăng ký tham gia tố tụng, luật sư phải xuất trình các giấy tờ sau: văn bản cử luật sư của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý nơi luật sư đó hành nghề và Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực.

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận đủ giấy tờ hợp lệ, cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải

kiểm tra giấy tờ và thấy không thuộc trường hợp từ chối việc đăng ký tham gia tố tụng quy định tại Điều 12 Thông tư này thì vào sổ đăng ký tham gia tố tụng, gửi ngay văn bản thông báo người bào chữa cho người đăng ký tham gia tố tụng, và lưu giấy tờ liên quan đến việc đăng ký bào chữa vào hồ sơ vụ án; nếu xét thấy không đủ điều kiện thì từ chối việc đăng ký bào chữa và phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

b) Trong lĩnh vực tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, khi đề nghị Tòa án làm thủ tục đăng ký tham gia tố tụng.

- Đối với Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư công tác viên đề nghị đăng ký tham gia tố tụng phải xuất trình văn bản cử người tham gia tố tụng của Trung tâm, Chi nhánh và Thẻ Trợ giúp viên pháp lý đối với người được cử là Trợ giúp viên pháp lý kèm theo bản sao có chứng thực hoặc Thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý, Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực đối với người được cử là Luật sư công tác viên.

- Đối với luật sư của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý khi đề nghị đăng ký tham gia tố tụng phải xuất trình văn bản cử luật sư của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý nơi luật sư đó hành nghề và Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ giấy tờ hợp lệ, Tòa án phải vào sổ đăng ký tham gia tố tụng và xác nhận vào giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Trường hợp từ chối đăng ký thì Tòa án phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người đề nghị.

3. Người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia trợ giúp pháp lý được đăng ký tham gia tố tụng với tư cách sau đây:

a) Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng hình sự với tư cách là người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị hại hoặc đương sự trong vụ án hình sự theo Điều 72 và Điều 83 và 84 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 3 Điều 21 Luật Trợ giúp pháp lý;

b) Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng dân sự với tư cách là người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, theo quy định tại Điều 75 và Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

c) Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng hành chính với tư cách là người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 60, Điều 61 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

d) Luật sư công tác viên, Luật sư tham gia trợ giúp pháp lý với tư cách: người bào chữa cho người bị buộc tội, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bảo vệ quyền và lợi ích

hợp pháp của bị hại, đương sự trong vụ án hình sự; người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự; người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án hành chính.

4. Gửi văn bản thông báo việc đăng ký tham gia tố tụng

Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong vòng 24 giờ phải gửi ngay văn bản thông báo đăng ký tham gia tố tụng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức trực tiếp, fax hoặc gửi theo hình thức chuyển phát nhanh.

Điều 12. Hiệu lực của việc đăng ký tham gia tố tụng

1. Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng từ giai đoạn nào thì *đăng ký tham gia tố tụng ở giai đoạn đó và văn bản thông báo người đăng ký tham gia tố tụng có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng trừ các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 78 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*

Trong trường hợp phục hồi điều tra vụ án, tách, nhập vụ án thì người thực hiện trợ giúp pháp lý vẫn tiếp tục tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án. Trường hợp vụ án cần điều tra lại thì phải *đăng ký tham gia tố tụng* theo thủ tục quy định tại *Điều 11 Thông tư liên tịch này*.

2. Trong lĩnh vực tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, việc *đăng ký tham gia tố tụng* cho người thực hiện trợ giúp pháp lý do Tòa án đang thụ lý vụ việc dân sự hoặc vụ án hành chính thực hiện và *văn bản đăng ký tham gia tố tụng* có hiệu lực từ khi cấp đến khi kết thúc vụ án.

Trường hợp tách, nhập vụ án thì người thực hiện trợ giúp pháp lý tiếp tục tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án. Trường hợp vụ án xét xử lại thì phải *đăng ký lại việc tham gia tố tụng* theo thủ tục quy định tại *Điều 11 Thông tư liên tịch này*.

3. Trường hợp người thực hiện trợ giúp pháp lý bị thay thế theo quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật trợ giúp pháp lý thì việc *đăng ký tham gia tố tụng* cho người thay thế được thực hiện theo quy định tại *Điều 11 Thông tư liên tịch này*.

Điều 13. Từ chối việc đăng ký tham gia tố tụng

Trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra từ chối việc *đăng ký tham gia tố tụng* cho người thực hiện trợ giúp pháp lý thì trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày nhận được *văn bản* từ người thực hiện trợ giúp pháp lý của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thì cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số

hoạt động điều tra phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và nêu rõ lý do từ chối.

Điều 14. Hủy bỏ việc đăng ký tham gia tố tụng

Trong trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hủy bỏ việc đăng ký bào chữa, trong vòng thời gian 24 giờ kể từ khi hủy bỏ việc đăng ký bào chữa thì cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý.

Điều 15. Thu hồi văn bản thông báo đăng ký tham gia tố tụng

1. Trợ giúp viên pháp lý bị thu hồi văn bản thông báo đăng ký tham gia tố tụng trong các trường hợp sau đây:

a) Thực hiện một trong các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Trợ giúp pháp lý;

b) Vi phạm nghĩa vụ của người bào chữa quy định tại điểm d và điểm e khoản 2 Điều 73 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; bị thay đổi, không được tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng và pháp luật về trợ giúp pháp lý;

c) Bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý;

d) Người được trợ giúp pháp lý rút yêu cầu trợ giúp pháp lý;

d) Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý đề nghị thay thế người thực hiện trợ giúp pháp lý.

2. Luật sư cộng tác viên, Luật sư bị thu hồi văn bản thông báo đăng ký tham gia tố tụng trong các trường hợp sau đây:

a) Thực hiện một trong các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Trợ giúp pháp lý, khoản 1 Điều 9 Luật Luật sư được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật số 20/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư;

b) Bị thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Luật sư được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Luật số 20/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư;

c) Thuộc trường hợp quy định tại điểm b, điểm d và điểm d khoản 1 Điều này.

d) Luật sư bị thu hồi *văn bản đăng ký tham gia tố tụng* khi tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 19 Luật Trợ giúp pháp lý.

4. Nếu cơ quan tiến hành tố tụng, *cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra* ở giai đoạn sau phát hiện người thực hiện trợ giúp pháp lý đã được *đăng ký tham gia tố tụng* ở giai đoạn trước đó không đủ điều kiện tham gia tố tụng thì *hủy bỏ văn bản thông báo đăng ký tham gia tố tụng* và thông báo cho cơ quan tiến hành tố tụng, *cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra* đã đăng ký tham gia tố tụng, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người được trợ giúp pháp lý.

Việc bảo lưu kết quả tham gia tố tụng trong vụ án hình sự của người bị *hủy bỏ việc đăng ký tham gia tố tụng* do cơ quan tiến hành tố tụng, *cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra* quyết định; đối với vụ việc dân sự, vụ án hành chính thì do người được trợ giúp pháp lý quyết định và thông báo cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

5. Khi Trợ giúp viên pháp lý bị thu hồi thẻ Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư cộng tác viên bị thu hồi thẻ Luật sư hoặc thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý, Luật sư bị thu hồi thẻ Luật sư hay bị thay thế theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 45 Luật Trợ giúp pháp lý, trường hợp chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 19 Luật Trợ giúp pháp lý thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý phải thông báo ngay bằng văn bản cho cơ quan tiến hành tố tụng, *cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra* biết để *hủy bỏ việc đăng ký tham gia tố tụng*.

6. Khi người thực hiện trợ giúp pháp lý bị *hủy bỏ việc đăng ký tham gia tố tụng* hoặc bị thay thế thì chấm dứt hoạt động tham gia tố tụng từ thời điểm bị *hủy bỏ việc đăng ký tham gia tố tụng* hoặc bị thay thế.

Chương V

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG TỐ TỤNG

Điều 16. Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở Trung ương

1. Thành lập Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở Trung ương (sau đây viết tắt là Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương) để giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao thống nhất chỉ đạo công tác phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương sau khi có ý kiến thống nhất về nhân sự của liên ngành ở Trung ương.

Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương gồm Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Thứ trưởng các Bộ: Tư pháp, Công an, Quốc phòng, Tài chính; Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp. Bộ trưởng Bộ Tư pháp là Chủ tịch Hội đồng. Thành viên Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Bộ Tư pháp là cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương, có trách nhiệm điều phối hoạt động của Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương quy định tại khoản 3 Điều này. Hội đồng sử dụng con dấu của Bộ Tư pháp.

3. Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương có nhiệm vụ giúp lãnh đạo liên ngành nghiên cứu, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác trợ giúp pháp lý trong tố tụng; thống kê và báo cáo các vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng; đề ra các biện pháp cần thiết để giải quyết các vấn đề trong công tác phối hợp và tăng cường hiệu quả phối hợp trợ giúp pháp lý trong tố tụng; định kỳ sơ kết, tổng kết hàng năm để đánh giá về việc thực hiện Thông tư liên tịch này; đề xuất Bộ trưởng Bộ Tư pháp khen thưởng; đề xuất lãnh đạo các ngành xử lý vi phạm; giải quyết hoặc đề xuất giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động phối hợp, các phiên họp của Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương mời đại diện của Liên đoàn Luật sư toàn quốc tham dự.

4. Giúp việc cho Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương có Tổ giúp việc. Chủ tịch Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương quyết định thành lập Tổ giúp việc. Tổ giúp việc cho Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương gồm có lãnh đạo các đơn vị chức năng của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 17. Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở địa phương

1. Thành lập Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương) để giúp Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Công an, Giám đốc Sở Tài chính, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tư lệnh Quân khu nơi đặt trụ sở hoặc Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh (đối với nơi không có Bộ Tư lệnh quân khu) hoặc *Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh (trong trường hợp địa phương thấy cần thiết)* thống nhất chỉ đạo công tác phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở địa phương.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp sau khi có ý kiến thống nhất của lãnh đạo liên ngành ở địa phương.

Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương gồm đại diện lãnh đạo các cơ quan: Tư pháp, Công an, Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Bộ Tư lệnh Quân khu nơi đặt trụ sở hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh (đối với nơi không có Bộ Tư lệnh quân khu) hoặc *Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh (trong trường hợp địa phương thấy cần thiết)*, Giám đốc Trung tâm bảo đảm thành viên Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương *không quá 07 (bảy) người*.

Giám đốc Sở Tư pháp là Chủ tịch Hội đồng. Thành viên Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Hội đồng sử dụng con dấu của Sở Tư pháp. Sở Tư pháp là cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương, có trách nhiệm điều phối hoạt động của Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương có trách nhiệm giúp lãnh đạo các ngành ở địa phương chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, phối hợp theo Thông tư liên tịch này, giải quyết những vấn đề vướng mắc phát sinh ở địa phương; tổ chức định kỳ đánh giá chất lượng tham gia tổ tụng của người thực hiện trợ giúp pháp lý, hoạt động cộng tác viên trợ giúp pháp lý của cán bộ, công chức, viên chức của các ngành; thống kê và báo cáo các vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng ở địa phương; định kỳ sơ kết, tổng kết hàng năm và báo cáo lãnh đạo các ngành, Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương về việc thực hiện Thông tư liên tịch này; đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Giám đốc Sở Tư pháp khen thưởng; đề xuất lãnh đạo các ngành xử lý vi phạm.

Các phiên họp của Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương mời đại diện Đoàn Luật sư; đại diện của Viện kiểm sát, Tòa án, cơ quan Điều tra khu vực của quân đội, Bộ đội biên phòng, Trại tạm giam tham dự.

4. Giúp việc cho Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương có Tổ giúp việc. Chủ tịch Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương quyết định thành lập Tổ giúp việc. Tổ giúp việc cho Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương gồm có lãnh đạo Trung tâm, đại diện cấp Phòng của các cơ quan: Công an, Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Bộ Tư lệnh Quân khu nơi đặt trụ sở hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh (đối với nơi không có Bộ Tư lệnh quân khu).

5. Hàng năm, các ngành là thành viên Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương có trách nhiệm tổng hợp báo cáo theo mẫu gửi cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương chậm nhất vào ngày *15 tháng 02*. Cơ quan thường trực của Hội đồng phối hợp liên ngành địa phương có trách nhiệm tổng hợp báo cáo theo mẫu *ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này (Mẫu TT-TGPL-04)* gửi cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương chậm nhất vào ngày *15 tháng 3*. Thời điểm lấy số liệu báo cáo được tính từ ngày *01 tháng 01 năm trước đến ngày 31 tháng 12 năm sau*.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm thực hiện

1. Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao; Sở Tư pháp, Công an, Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tư lệnh quân khu hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh (đối với những nơi không có Bộ Tư lệnh quân khu) hoặc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh (trong trường hợp địa phương thiếu cần thiết) có trách nhiệm quán triệt, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra các đơn vị có liên quan do mình quản lý trong việc triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Thông tư liên tịch này.

2. Cơ quan Quốc phòng, cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại cơ quan, tổ chức mình làm cộng tác viên trợ giúp pháp lý để tư vấn pháp luật cho người được trợ giúp pháp lý. Việc tư vấn pháp luật phải phù hợp với quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của ngành đó.

Điều 19. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng được lập dự toán chung trong kinh phí ngân sách nhà nước cấp hàng năm của mỗi ngành, bao gồm:

a) Kinh phí sơ kết, tổng kết chung về việc phối hợp ở địa phương, đặt Bảng thông tin, Tờ thông tin về trợ giúp pháp lý, Hộp tin trợ giúp pháp lý, tờ gấp pháp luật và các tài liệu khác có liên quan được lập dự toán trong kinh phí ngân sách hàng năm của Trung tâm;

b) Kinh phí tổ chức tập huấn cho cán bộ các cơ quan tiến hành tố tụng được lập dự toán trong kinh phí hoạt động chung của các cơ quan tiến hành tố tụng;

c) Kinh phí chi trả phụ cấp vụ việc cho Trợ giúp viên pháp lý, bồi dưỡng cho Luật sư cộng tác viên do Trung tâm, Chi nhánh thực hiện theo quy định hiện hành;

d) Kinh phí kiểm tra, đánh giá công tác phối hợp về trợ giúp pháp lý; sao chụp tài liệu, sơ kết, tổng kết, đánh giá phối hợp ở Trung ương và địa phương của từng ngành được lập dự toán trong kinh phí ngân sách hàng năm của ngành đó;

d) Kinh phí chi khen thưởng cho tập thể và cá nhân được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

2. Thành viên Hội đồng phối hợp liên ngành và thành viên Tổ giúp việc cho Hội đồng được hưởng bồi dưỡng. Mức bồi dưỡng của thành viên Hội đồng

phối hợp liên ngành và thành viên tổ giúp việc là 0,3 mức lương tối thiểu/người/tháng.

3. Hàng năm, Viện kiểm sát, Tòa án, cơ quan Công an cấp tỉnh, Bộ Tư lệnh Quân khu hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh lập dự toán kinh phí cho hoạt động phối hợp trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng gửi cơ quan chủ quản ở Trung ương tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và cấp phát kinh phí hoạt động. Sở Tư pháp lập dự toán kinh phí cho hoạt động phối hợp trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng trong hoạt động chung hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Hàng năm, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an tổng hợp đề xuất kinh phí phối hợp trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng của cơ quan cấp tỉnh và cấp phát kinh phí theo quy định. Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng lập dự toán kinh phí cho hoạt động phối hợp trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng trong tổng kinh phí hoạt động chung hàng năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở Trung ương và Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở địa phương được thành lập theo quy định tại *Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC* ngày 04/7/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện một số quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng tiếp tục hoạt động theo quy định của Thông tư liên tịch này.

Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Thông tư liên tịch này có hiệu lực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiện toàn Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở địa phương theo quy định của Thông tư liên tịch này.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2016 và thay thế *Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC* ngày 04/7/2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm phản ánh với liên ngành Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao để xem xét, hướng dẫn thực hiện hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỨ TRƯỞNG**

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TƯ PHÁP
THỨ TRƯỞNG**

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ QUỐC PHÒNG
THỨ TRƯỞNG**

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**

**KT. VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT
NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

**KT. CHÁNH ÁN TÒA ÁN
NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN**

(2)....., ngày tháng năm

GIẢI THÍCH

Về quyền được giúp đỡ pháp luật miễn phí của người bị buộc tội, người bị
hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý

1. Ông/bà có thuộc một trong các đối tượng sau không?

- i. Người thuộc hộ nghèo;
- ii. Người có công với cách mạng;
- iii. Người già (từ đủ 60 tuổi trở lên, sống cô đơn, không có nơi nương tựa);
- iv. Người khuyết tật; người bị nhiễm chất độc hóa học, bị nhiễm HIV mà không có nơi nương tựa;
- v. Người dân tộc thiểu số;
- vi. Nạn nhân của tội mua bán người;
- vii. Trẻ em (người dưới 16 tuổi) không nơi nương tựa;
- viii. Trẻ em (người dưới 16 tuổi) trong trường hợp là người bị buộc tội;
- ix. Các đối tượng khác được trợ giúp pháp lý theo quy định tại điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Nếu ông/bà thuộc một trong các đối tượng nêu trên sẽ được Nhà nước cử Trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư giúp đỡ pháp luật miễn phí (không mất tiền). Đây là chế độ ưu đãi của Nhà nước cho các đối tượng yếu thế nêu trên nhằm giúp họ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

3. Ông/bà sẽ được Nhà nước giúp đỡ những việc sau:

4.1. Bào chữa, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông/bà trước Cơ quan có thẩm quyền điều tra (công an, quân đội, hải quan, kiểm lâm, kiểm ngư), Viện kiểm sát, Tòa án, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ, Buồng tạm giữ thuộc đồn biên phòng và người làm việc cho các cơ quan này.

4.2. Thay mặt ông bà tiến hành các thủ tục liên quan đến vụ án tại các cơ quan trên và người làm việc tại các cơ quan trên.

4.3. Chuẩn bị các tài liệu, chứng cứ, lập luận liên quan đến vụ án.

Khi có nhu cầu được Nhà nước giúp đỡ pháp luật miễn phí, đề nghị ông/bà hoặc người thân thích, người đại diện của ông/bà yêu cầu Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước giúp đỡ pháp luật miễn phí cho mình.

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố.....(3)

Địa chỉ trụ sở chính:.....(4)

Điện thoại:.....(5)

Giám đốc:.....(6); Điện thoại:.....(7)/.

NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI, BỊ HẠI

(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TIỀN HÀNH TỐ TỤNG

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan ban hành
- (2) Địa danh ban hành; ngày, tháng, năm ban hành
- (3) Ghi rõ tên tỉnh/thành phố.
- (4) Ghi rõ địa chỉ số nhà, ngõ, ngách, tổ, đường, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố.
- (5) Ghi rõ số điện thoại cơ quan của Trung tâm.
- (6), (7) Ghi rõ họ và tên, số điện thoại cơ quan và di động của Giám đốc Trung tâm.

(2)....., ngày tháng năm

GIẢI THÍCH

Về quyền được giúp đỡ pháp luật miễn phí của đương sự thuộc diện được trợ giúp pháp lý

1. Ông/bà có thuộc một trong các đối tượng sau không?

- i. Người thuộc hộ nghèo;
- ii. Người có công với cách mạng;
- iii. Người già (từ đủ 60 tuổi trở lên, sống cô đơn, không có nơi nương tựa);
- iv. Người khuyết tật; người bị nhiễm chất độc hóa học, bị nhiễm HIV mà không có nơi nương tựa;
- v. Người dân tộc thiểu số;
- vi. Nạn nhân của tội mua bán người;
- vii. Trẻ em (người dưới 16 tuổi) không nơi nương tựa;
- viii. Các đối tượng khác được trợ giúp pháp lý theo quy định tại điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Nếu ông/bà thuộc một trong các đối tượng nêu trên sẽ được Nhà nước cử Trợ giúp viên pháp lý hoặc luật sư giúp đỡ pháp luật miễn phí (không mất tiền). Đây là chế độ ưu đãi của Nhà nước cho các đối tượng yếu thế nêu trên nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ

3. Ông/bà sẽ được Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý giúp đỡ những việc sau:

4.1. Đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông/bà trước Viện kiểm sát, Tòa án và người làm việc cho các cơ quan này.

4.2. Thay mặt ông bà tiến hành các thủ tục liên quan đến vụ án tại các cơ quan trên và người làm việc tại các cơ quan trên.

4.2. Chuẩn bị các tài liệu, chứng cứ, lập luận liên quan đến vụ việc, vụ án.

Khi có nhu cầu được Nhà nước giúp đỡ pháp luật miễn phí, đề nghị ông/bà hoặc người thân thích, người đại diện của ông/bà yêu cầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý là Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý cho ông/bà

Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố.....(3)

Địa chỉ trụ sở chính:.....(4)

Điện thoại:.....(5)

Giám đốc:.....(6); Điện thoại:.....(7)

Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý gồm các Văn phòng luật sư, Công ty luật và Trung tâm tư vấn pháp luật có đăng ký trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (có danh sách kèm theo) (8)./.

ĐƯƠNG SỰ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TIỀN HÀNH TỐ TỤNG

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan ban hành
- (2) Địa danh ban hành; ngày, tháng, năm ban hành
- (3) Ghi rõ tên tỉnh/thành phố.
- (4) Ghi rõ địa chỉ số nhà, ngõ, ngách, tổ, đường, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố.
- (5) Ghi rõ số điện thoại cơ quan của Trung tâm.
- (6), (7) Ghi rõ họ và tên, số điện thoại cơ quan và di động của Giám đốc Trung tâm.
- (8) Danh sách kèm theo của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý bao gồm các thông tin: tên, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại; họ và tên, số điện thoại máy bàn và di động của người đại diện theo pháp luật.

MẪU TT-TGPL-02

.....(1)

.....(2)

Số: /TB-.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(3), ngày tháng năm

THÔNG BÁO

**Về việc trợ giúp pháp lý cho người bị buộc tội, người bị hại
thuộc diện được trợ giúp pháp lý**

Kính gửi: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố.....(4)

Căn cứ vào Điều 71 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Biên bản.....ngày tháng.... năm... của(5),

.....(6) thông báo để Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà
nước tỉnh/ thành phố..... thực hiện trợ giúp pháp lý cho người bị buộc tội,
người bị hại sau:

Họ và tên:.....(7)

Ngày tháng năm sinh:.....(8)

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:.....cấp ngày:.....tại:.....(9)

Hộ khẩu thường trú:.....(10)

Nơi ở hiện tại:.....(11)

.....(12) thông báo để Trung tâm thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT,.....

CHỨC DANH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ cơ quan chủ quản của cơ quan ban hành.

(2), (6), (12) Ghi rõ tên cơ quan ban hành.

(3) Ghi rõ địa danh ban hành; ngày, tháng, năm ban hành.

(4) Ghi rõ tên tỉnh/thành phố.

(5) Ghi rõ số, ngày, tháng, năm và cơ quan ban hành biên bản.

(7) (8), (9) Ghi rõ thông tin về họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số, ngày cấp, nơi cấp Chứng
minh nhân dân/Hộ chiếu của người bị buộc tội, người bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

(10), (11) Ghi rõ địa chỉ số nhà, ngõ, ngách, tổ, đường, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành
phố.



(3)....., ngàytháng..... năm.....

SỔ THEO DÕI CÔNG TÁC THỰC LÝ VỤ VIỆC NĂM(4)

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số.../2016/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày.....hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng)

STT.	THỰC LÝ HỒ SƠ (Số, ngày tháng năm)	NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI, ĐƯƠNG SỰ (Họ và tên, tuổi, địa chỉ)	KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG TGPL (đánh dấu x)	THUỘC ĐỐI TƯỢNG TGPL (Đánh dấu x) (1)										NGƯỜI BẢO CHỮA, BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA ĐỐI TƯỢNG TGPL (Họ và tên, địa chỉ, số điện thoại; số, ngày cấp đăng ký bảo chữa; ngày xác nhận đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự)	GIẢI THÍCH VỀ QUYỀN ĐƯỢC TGPL (Ghi rõ số, ngày lập, cơ quan lập biên bản giải thích về quyền được TGPL.)	TÌNH TRẠNG GIẢI QUYẾT (Ghi tóm tắt)	GHI CHÚ
				Người nghèo	Người dân tộc thiểu số	Người có công với cách mạng	Người già	Người khuyết tật	Trẻ em	Nạn nhân theo pháp luật phòng, chống mua bán người	Người bị nhiễm HIV	Khác	Đối tượng thuộc án chỉ định bảo chữa				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng số																

Ghi chú:

1-Đánh dấu x đồng thời vào một trong các đối tượng thuộc các cột 4-12 và cột 13



MẪU TT-TGPL-04

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....
HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG HOẠT
ĐỘNG TỔ TỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(3)....., ngàytháng..... năm.....

BÁO CÁO SỐ LIỆU NĂM(4)

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số.../2016/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày.....hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng)

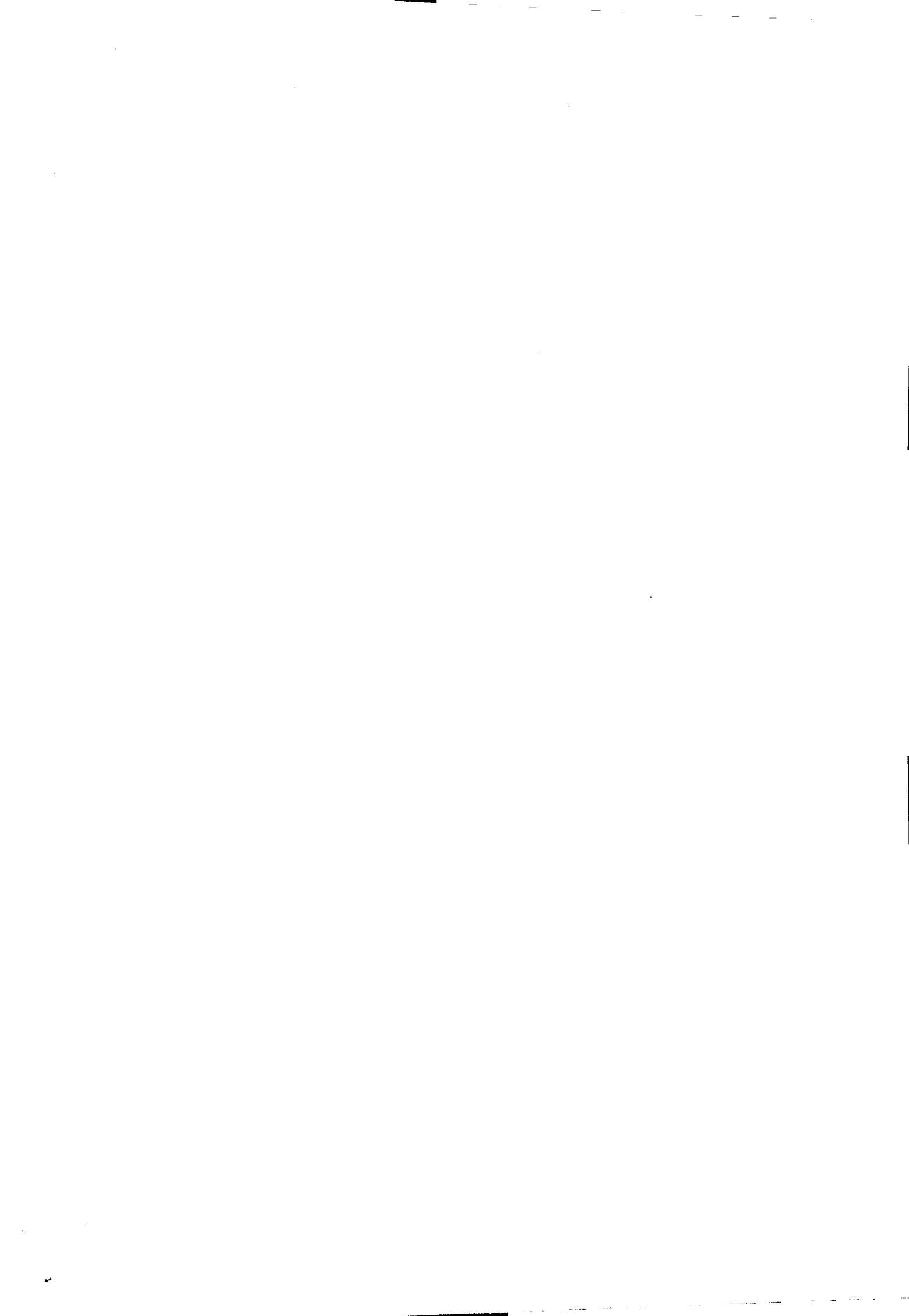
I. KẾT QUẢ VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG

Đơn vị tính: Vụ việc

Stt.	Người thực hiện TGPL	Tổng số (1)	Các lĩnh vực TGPL				Giai đoạn tham gia TGPL					Vụ việc thuộc án chỉ định bào chữa	Vụ việc thuộc đối tượng TGPL ra Tòa không có người bào chữa hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp				
			Hình sự		Dân sự	Hành chính	Lĩnh vực pháp luật khác	Bị tố giác, kiến nghị khởi tố; bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bị bắt; tạm giữ	Khởi tố	Truy tố	Xét xử						
			Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp	Bào chữa										1	2	3	4
1	Trợ giúp viên pháp lý																
2	Luật sư cộng tác viên																
Tổng số																	

Ghi chú:

1-Tổng số = cột 1+2+3+4 = cột 6+7+8+9



II. KẾT QUẢ LƯỢT NGƯỜI ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ NGƯỜI THUỘC DIỆN ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Cơ quan	Tổng số đương sự trong các vụ án mà các cơ quan thụ lý, tiếp nhận (1)	Số người thuộc diện được TGPL										
		Tổng số đương sự thuộc diện được TGPL (2)	Người nghèo	Người dân tộc thiểu số	Người có công với cách mạng	Người già	Người khuyết tật	Trẻ em	Nạn nhân theo pháp luật phòng, chống mua bán người	Người bị nhiễm HIV	Khác	Đối tượng thuộc án chỉ định bảo chữa
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Trại tạm giam	Tổng số											
	Đã được TGPL											
Nhà tạm giữ	Tổng số											
	Đã được TGPL											
Cơ quan điều tra	Tổng số											
	Đã được TGPL											
Viện kiểm sát	Tổng số											
	Đã được TGPL											
Tòa án	Tổng số											
	Đã được TGPL											
Tổng số người thuộc diện được TGPL (3)												
Tổng số người đã được TGPL (4)												

Ghi chú:

1-Tổng số người bị buộc tội, bị hại trong vụ án hình sự, đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính mà các cơ quan thụ lý, tiếp nhận

2-Tổng số=cột 3+4+5+6+7+8+9+10+11.

3- Tổng số người thuộc diện được TGPL = tổng số người thuộc diện được TGPL của Trại tạm giam, Nhà tạm giữ, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân

4-Tổng số người đã được TGPL = tổng số người đã được TGPL của Trại tạm giam, Nhà tạm giữ, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân

